



KHÓA LUYỆN THI

CERTIFICATE IN EDUCATION AND TRAINING LEVEL IV

www.vodung.edu.vn



TRÌNH ĐỘ CỦA CHỨNG CHỈ CIBTAC LEVEL 4

- Đây là chứng chỉ đã được đăng ký trên hệ thống quản lý bằng cấp của Ofqual (Cơ quan quản lý Bằng cấp của chính phủ Anh).
- Chứng chỉ CIBTAC Level 4 trong Giáo dục và Đào tạo cung cấp nền tảng lý thuyết và năng lực thực hành để giảng dạy và đào tạo.

Học viên theo học trình độ Level 4 sẽ có khả năng:

- Vận dụng kiến thức thực hành, lý thuyết hoặc kỹ thuật trong lĩnh vực đào tạo
- Phân tích, đánh giá các vấn đề phức tạp, không theo quy trình lặp lại
- Có nhận thức tổng thể về chuyên ngành và các cách tiếp cận khác nhau
- Áp dụng kỹ năng tư duy và thực hành phù hợp để giải quyết vấn đề thực tiễn

MỤC ĐÍCH CỦA CHỨNG CHỈ CIBTAC LEVEL 4

Chứng chỉ CIBTAC Level 4 là một chứng chỉ bao gồm cả lý thuyết và thực hành, được thiết kế để giúp học viên có năng lực giảng dạy, đào tạo người học từ 16 tuổi trở lên, và đủ điều kiện làm việc trong lĩnh vực giáo dục.





UK LEVEL 4 QUALIFICATION

- This certificate is registered on the qualification management system of Ofqual (the Office of Qualifications and Examinations Regulation of the UK government).
- The CIBTAC Level 4 Certificate in Education and Training provides both a theoretical foundation and practical competencies for teaching and training.

Learners undertaking the Level 4 qualification will be able to:

- Apply practical, theoretical, or technical knowledge in the field of education and training
- Analyze and evaluate complex, non-routine issues
- Demonstrate a comprehensive understanding of their specialty and various approaches within it
- Apply appropriate thinking and practical skills to solve real-world problems

PURPOSE OF THE CIBTAC LEVEL 4 CERTIFICATE

The CIBTAC Level 4 Certificate is a combined theoretical and practical qualification designed to equip learners with the skills and competencies to teach and train individuals aged 16 and above, and to be eligible for employment within the education sector.



MỤC TIÊU CỦA CHỨNG CHỈ CIBTAC LEVEL 4 / OBJECTIVE OF THE CIBTAC LEVEL 4 CERTIFICATE

Trang bị cho học viên kiến thức và kỹ năng để lên kế hoạch – thiết kế – thực hiện các buổi giảng dạy và đào tạo.

Cụ thể nhằm:

- Hiểu rõ vai trò và trách nhiệm của người làm công tác giáo dục
- Biết cách xác định nhu cầu học tập của học viên và điều chỉnh lớp học phù hợp
- Biết cách đánh giá năng lực học viên
- Vận dụng linh hoạt các công cụ, tài nguyên giảng dạy phù hợp

Học viên hoàn thành chứng chỉ Level 4 có thể tiếp tục học lên chương trình **Level 5 Diploma in Education and Training** của CIBTAC hoặc các tổ chức cấp bằng khác được Ofqual công nhận.

To equip learners with the knowledge and skills to plan, design, and deliver effective teaching and training sessions.

Specifically, the qualification aims to help learners:

- Understand the roles and responsibilities of an education professional
- Identify learners' needs and adapt teaching accordingly
- Assess learners' progress and competencies
- Effectively use appropriate teaching tools and resources

Learners who complete the Level 4 Certificate may progress to the **CIBTAC Level 5 Diploma in Education and Training** or equivalent qualifications recognized by Ofqual.

YÊU CẦU ĐẦU VÀO

- 19 tuổi trở lên
- Học viên cần có bằng cấp, trình độ và kinh nghiệm chuyên môn phù hợp với lĩnh vực mình dự định giảng dạy.
- Khuyến nghị rằng Học viên tham gia chứng chỉ này nên trải qua đánh giá kỹ năng tiếng Anh, Toán học và CNTT (ICT) trước khi bắt đầu:
 - + Sử dụng máy tính cơ bản
 - + Sử dụng email, trình chiếu PowerPoint
 - + Khả năng tra cứu thông tin trên Internet
 - + Kỹ năng soạn thảo văn bản, bảng tính (Word, Excel...)
- Tổng số giờ học bắt buộc: 180 giờ
- Tổng số giờ tự học và tự nghiên cứu: 210 giờ
- Tổng số giờ hoàn thành: 390 giờ
- Học viên phải đạt tối thiểu 60% ở mỗi đơn vị để vượt qua, nếu các lĩnh vực yêu cầu không đạt điểm tối thiểu sẽ dẫn đến việc không đạt đơn vị đó và phải thi lại vào một ngày khác.
- Học viên cần vượt qua tất cả các bài thi trắc nghiệm MCQ và phần thực hành để đạt được Văn bằng đầy đủ.
- Học viên được thi lại tối đa 2 lần cho các đơn vị không đạt trong vòng 2 năm kể từ kỳ thi đầu tiên. Nếu cả 3 lần thi đều không đạt (kể cả lần thi đầu tiên) bắt buộc đóng phí học lại từ đầu.



VĂN BẰNG ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ NHƯ SAU:

Xuất sắc	Từ 85% trở lên
Giỏi	Từ 75% – 84%
Đạt	Từ 60% – 74%
Không đạt	Dưới 59%

INPUT REQUEST

- For Learners Aged 19 and Above
- Learners are required to hold appropriate qualifications, experience, and expertise in the field they intend to teach.
- It is recommended that learners take an assessment in English, Mathematics, and ICT (Information and Communication Technology) skills before beginning the course. These skills include:
 - + *Basic computer use*
 - + *Use of email and PowerPoint presentations*
 - + *Ability to search for information online*
 - + *Word processing and spreadsheet skills (e.g. Word, Excel)*
- Guided Learning Hours (GLH): 180 hours
- Self-study and independent research: 210 hours
- Total Qualification Time (TQT): 390 hours
- Learners must achieve at least 60% in each unit to pass. If any areas do not meet the minimum required score, the learner will fail that unit and must re-sit at a later date.
- Learners must pass all MCQ exams and practical assessments to obtain the full certificate.
- Learners are allowed a maximum of two re-sits for any failed unit within two years from the first exam date. If all three attempts (including the first) are unsuccessful, the learner must re-enrol and pay the course fee to retake the program.



THE DIPLOMA IS GRADED AS FOLLOWS:

Excellent	85% and above
Good	75% - 84%
Pass	60% - 74%
Fail	Below 59%

QUY TRÌNH THI / EXAM PROCEDURE

Yêu cầu thực hành

Tối thiểu 30 giờ cho chứng chỉ này, bao gồm tối thiểu 3 lần quan sát đánh giá.

Kinh nghiệm giảng dạy thực tế nên bao gồm:

- Các bối cảnh / địa điểm giảng dạy khác nhau
- Giảng dạy ở nhiều trình độ khác nhau
- Giảng dạy cho nhiều đối tượng học viên

Truyền đạt kiến thức chuyên môn thông qua hướng dẫn tại nơi làm việc

Kinh nghiệm làm việc không trực tiếp giảng dạy cũng có giá trị, nhưng không được tính vào tổng số giờ giảng dạy yêu cầu.

Việc quan sát cần được phân bổ hợp lý trong suốt khóa học, có tính đến tiến độ phát triển của giáo viên.

Đối với các đơn vị bắt buộc, cần có tối thiểu 3 lần quan sát, tổng cộng ít nhất 3 giờ.

Mỗi lần quan sát phải ít nhất 30 phút.

Practice requirements

A minimum of 30 hours for this qualification, including at least 3 observation assessments.

Practical teaching experience should include:

- Teaching in different contexts/locations
- Teaching at various levels
- Teaching a range of learners

Delivering subject-specific knowledge through workplace guidance

Non-teaching work experience may be valuable but will not count towards the required total teaching hours.

Observations should be spread throughout the course, taking into account the teacher's progress.

For mandatory units, a minimum of 3 observations is required, totaling at least 3 hours.

Each observation must last at least 30 minutes.

CHƯƠNG TRÌNH HỌC CHI TIẾT

DETAILED COURSE PROGRAM

01

HIỂU VAI TRÒ VÀ TRÁCH NHIỆM GIẢNG DẠY TRONG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

- Phát triển chuyên môn liên tục
- Tính chuyên nghiệp
- Đánh giá người học
- Kỹ năng ngôn ngữ, đọc viết, toán học và công nghệ thông tin
- Thiết lập quy tắc lớp học, quyền lợi và trách nhiệm của người học
- Cách xử lý thành kiến và phân biệt đối xử
- Môi trường học tập
- Tài nguyên học tập
- Hỗ trợ học tập
- Thiết lập quy tắc lớp học
- Quản lý lớp học
- Các rào cản đối với việc học

UNDERSTANDING ROLES AND RESPONSIBILITIES IN EDUCATION AND TRAINING

- Continuing professional development (CPD)
- Professionalism
- Assessing learners
- Literacy, language, numeracy and ICT skills
- Establishing ground rules, learner rights and responsibilities
- Dealing with prejudice and discrimination
- The learning environment
- Learning resources
- Learning support
- Setting ground rules
- Classroom management
- Barriers to learning



02 LẬP KẾ HOẠCH ĐÁP ỨNG NHU CẦU CỦA NGƯỜI HỌC TRONG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

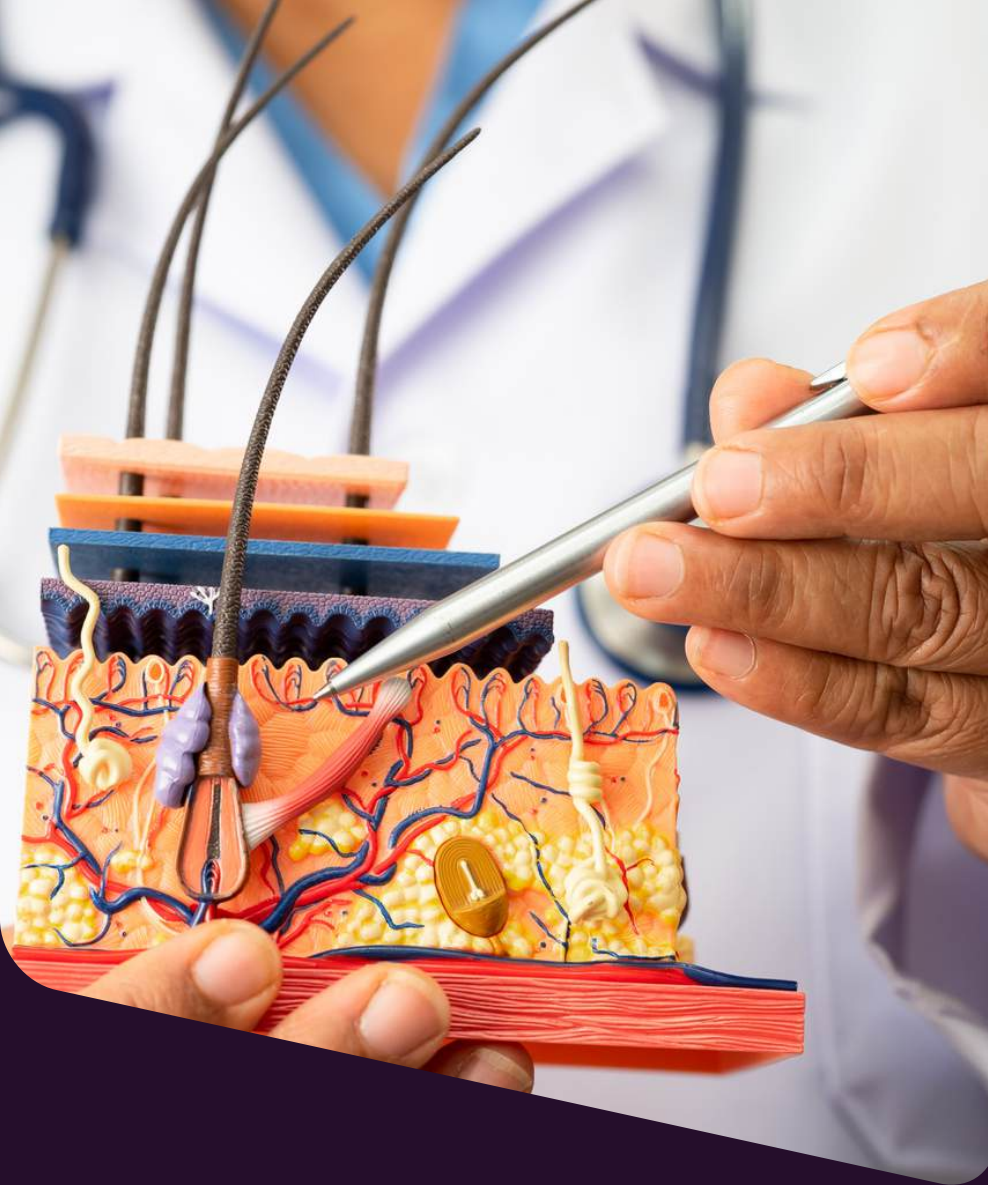
- Phân tích vai trò và cách sử dụng đánh giá ban đầu và đánh giá chẩn đoán
- Mục đích của đánh giá ban đầu (ví dụ: xác định rào cản học tập, sở thích học tập, kinh nghiệm trước đây, công nhận việc học trước (RPL), nguyện vọng, trình độ hiện tại và năng lực)
- Mục đích của đánh giá chẩn đoán (xác định nhu cầu học tập)
- Giao tiếp – bằng văn bản, lời nói và phi ngôn ngữ
- Điều chỉnh cách đánh giá để phù hợp với nhu cầu cá nhân của người học
- Kế hoạch tổng thể, kế hoạch bài giảng, mục tiêu và đích đến, kiến thức chuyên môn theo môn học
- Các phương pháp học tập và giảng dạy đa dạng để phù hợp với những người học khác nhau và các trình độ/năng lực khác nhau, bao gồm: dạy 1-1, làm việc theo cặp, dạy nhóm nhỏ, dạy nhóm lớn
- Nguồn lực, địa điểm, thiết bị, thời gian
- Tư tưởng chương trình học (học thuật, tự do, tiến bộ, dân chủ, công cụ)



02 PLANNING TO MEET THE NEEDS OF LEARNERS IN EDUCATION AND TRAINING

- Analyse the role and use of initial and diagnostic assessment
- Purpose of initial assessment (e.g. identifying barriers to learning, learning preferences, prior experience, Recognition of Prior Learning (RPL), aspirations, current level and ability)
- Purpose of diagnostic assessment (identify learning needs)
- Communication – written, verbal and non-verbal
- Adapting assessment to meet individual learner needs
- Schemes of work, session plans, aims and objectives, subject specialist knowledge
- Range of teaching and learning approaches to meet the needs of different learners and levels/abilities, including: 1-to-1, pair work, small group, whole group
- Resources, location, equipment, time
- Curriculum ideologies (academic, liberal, progressive, democratic, instrumental)





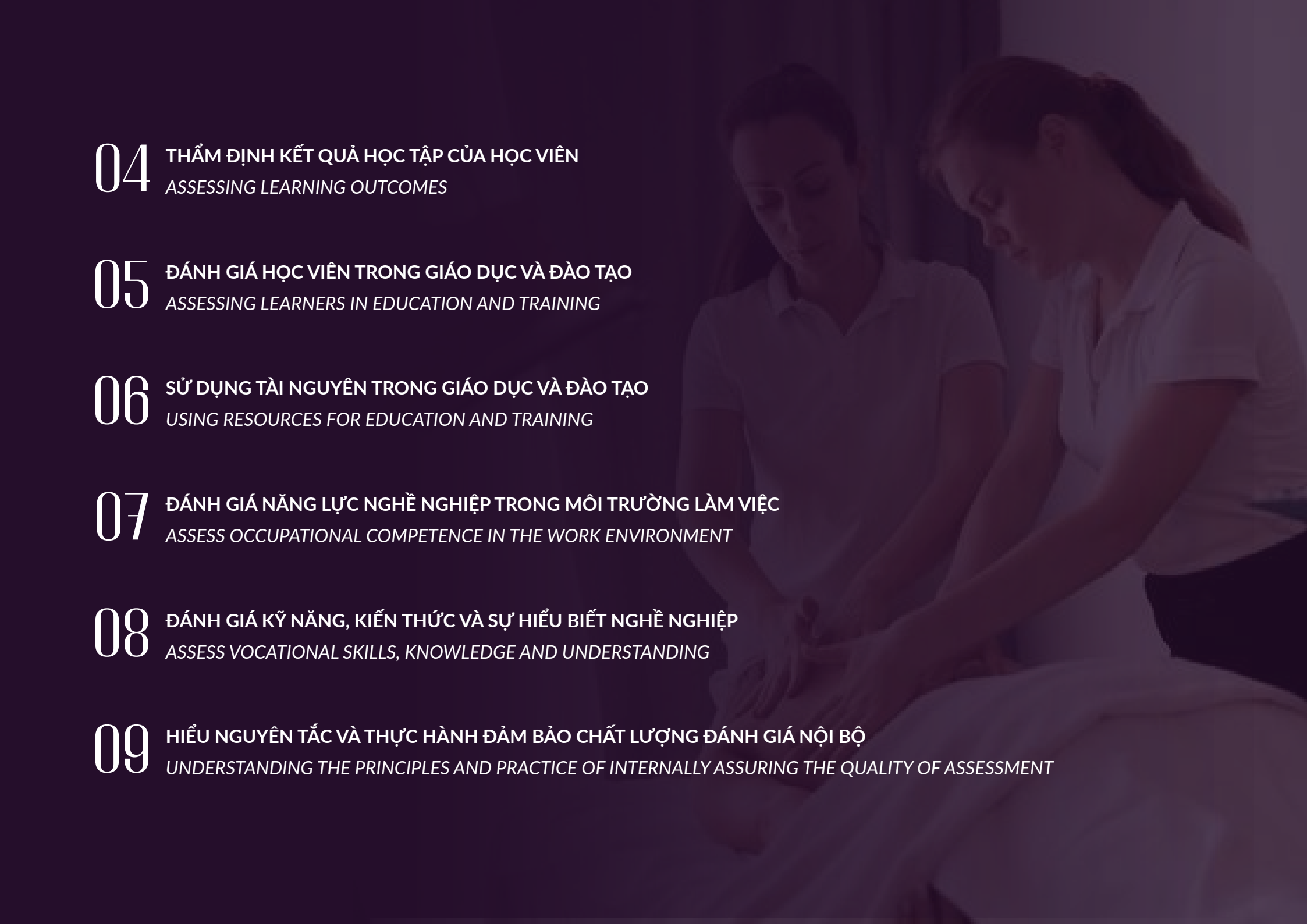
03 TRIỂN KHAI HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

- Phân tích hiệu quả của các phương pháp giảng dạy và học tập được sử dụng trong chuyên ngành của mình
- Quản lý lớp học
- Tạo động lực học tập
- Tạo ra một môi trường giảng dạy và học tập mang tính hòa nhập
- Chia nhỏ nội dung giảng dạy thành các phần dễ tiếp thu
- Khả năng giao tiếp với người học và các chuyên gia giáo dục khác để thúc đẩy việc học
- Phương pháp và phương tiện giao tiếp – lợi ích và hạn chế
- Sử dụng phương pháp và phương tiện giao tiếp để đáp ứng nhu cầu cá nhân của người học
- Giao tiếp với các chuyên gia giáo dục khác để đáp ứng nhu cầu cá nhân của người học và khuyến khích sự tiến bộ
- Có khả năng sử dụng công nghệ trong việc giảng dạy và học tập mang tính hòa nhập
- Phân tích lợi ích và hạn chế của công nghệ được sử dụng trong lĩnh vực chuyên môn của mình



03 DELIVERING EDUCATION AND TRAINING

- Analyse the effectiveness of teaching and learning approaches used in own area of specialism
- Managing the learning environment
- Motivating learners
- Creating an inclusive teaching and learning environment
- Breaking down learning content into manageable parts
- Ability to communicate with learners and other professionals to promote learning
- Methods and media of communication – benefits and limitations
- Using communication methods and media to meet individual learner needs
- Communicating with other professionals to meet individual learner needs and encourage progress
- Ability to use technology in inclusive teaching and learning
- Analyse the benefits and limitations of technology used in own area of specialism



04 THẨM ĐỊNH KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA HỌC VIÊN
ASSESSING LEARNING OUTCOMES

05 ĐÁNH GIÁ HỌC VIÊN TRONG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ASSESSING LEARNERS IN EDUCATION AND TRAINING

06 SỬ DỤNG TÀI NGUYÊN TRONG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
USING RESOURCES FOR EDUCATION AND TRAINING

07 ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGHỀ NGHIỆP TRONG MÔI TRƯỜNG LÀM VIỆC
ASSESS OCCUPATIONAL COMPETENCE IN THE WORK ENVIRONMENT

08 ĐÁNH GIÁ KỸ NĂNG, KIẾN THỨC VÀ SỰ HIỂU BIẾT NGHỀ NGHIỆP
ASSESS VOCATIONAL SKILLS, KNOWLEDGE AND UNDERSTANDING

09 HIỂU NGUYÊN TẮC VÀ THỰC HÀNH ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG ĐÁNH GIÁ NỘI BỘ
UNDERSTANDING THE PRINCIPLES AND PRACTICE OF INTERNALLY ASSURING THE QUALITY OF ASSESSMENT